

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC BÌNH ĐẲNG GIỚI CHO HỌC SINH Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

NGUYỄN VĂN PHÚC¹, TRẦN VĂN HIẾU²

¹Trường THPT Tam Giang, Thừa Thiên Huế

²Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Tóm tắt: Nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động giáo dục bình đẳng giới cho học sinh các trường Trung học phổ thông huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế hiện nay để có cơ sở đề xuất các biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động này. Quản lý hoạt động giáo dục bình đẳng giới cho học sinh các trường trung học phổ thông huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế cơ bản đã đạt được một số kết quả bước đầu đáng ghi nhận. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế về mặt nhận thức; công tác quản lý; việc tập huấn bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; các điều kiện hỗ trợ giáo dục bình đẳng giới. Vì vậy, việc đề xuất được các biện pháp quản lý khả thi để nâng cao chất lượng giáo dục bình đẳng giới cho học sinh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục là thực sự có ý nghĩa.

Từ khóa: Quản lý, bình đẳng giới, giáo dục bình đẳng giới, trung học phổ thông.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện, cơ hội nhằm phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó. [2]

Bình đẳng giới là 1 trong 17 mục tiêu “*phát triển bền vững như một lộ trình để chấm dứt nghèo đói, chống bất bình đẳng và chống biến đổi khí hậu trong 15 năm*” được Liên hiệp quốc thông qua trong Chương trình nghị sự toàn cầu về phát triển đến năm 2030. giáo dục bình đẳng giới (GDBĐG) cho học sinh (HS) là một trong những nội dung của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 để “*nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo*” [3].

Nội dung này được thực hiện chủ yếu trong các nhà trường cùng với sự phối hợp của gia đình, cộng đồng và xã hội. Ở lứa tuổi HS trung học phổ thông (THPT), các em cần được cung cấp những kiến thức cơ bản về *giới và bình đẳng giới; Sự cần thiết của tạo lập bình đẳng giới vì sự phát triển của xã hội; Sự cần thiết của tạo lập bình đẳng giới trong nhà trường; Kỹ năng tạo lập bình đẳng giới trong các mối quan hệ giữa HS-HS, HS- giáo viên/nhân viên (GV/NV).*

Thực tế trong những năm qua, hoạt động GDBĐG cho HS ở các trường trên địa bàn huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đã được triển khai thực hiện và đạt được

những kết quả bước đầu khá quan trọng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy hoạt động này đang bộc lộ những tồn tại, hạn chế cần khắc phục. Nhận thức của một bộ phận cán bộ (CB), GV, NV và HS chưa đầy đủ về tầm quan trọng của hoạt động GDBĐG trong nhà trường; nội dung, chương trình giáo dục còn nghèo nàn, hình thức tổ chức còn mang tính thời vụ; thiếu cơ chế phối hợp đồng bộ giữa các bộ phận trong nhà trường, sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường chưa chặt chẽ, chưa thường xuyên; Các nguồn lực hỗ trợ cho hoạt động ở các trường nhìn chung chưa được quan tâm và đầu tư đúng mức... Nguyên nhân của những vấn đề này xuất phát từ nhiều yếu tố chủ quan và khách quan, nhưng trong đó công tác quản lý hoạt động GDBĐG có một vai trò không nhỏ. Quản lý hoạt động GDBĐG là những tác động có hệ thống, có kế hoạch của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý ở các cấp, các khâu khác nhau nhằm đảm bảo việc GDBĐG cho HS đạt mục tiêu đề ra. Trong nghiên cứu này, quản lý hoạt động GDBĐG ở trường phổ thông cần phải chú trọng thực hiện việc quản lý mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức, lực lượng tham gia và các điều kiện hỗ trợ.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được thực hiện trên 4 trường THPT của huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế thông qua phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Ngoài ra phương pháp phỏng vấn cũng được sử dụng để nhằm thu thập thêm các thông tin bổ sung cho việc đánh giá thực trạng. Khách thể khảo sát là 149 cán bộ quản lý và giáo viên thuộc 4 trường THPT: THPT Tam Giang, THPT Nguyễn Đình Chiểu, THPT Phong Điền, THPT Trần Văn Kỷ.

Kết quả khảo sát được xử lý bằng phần mềm Excel, SPSS.

Các nội dung khảo sát được đánh giá bằng điểm số theo các mức độ thực hiện: Rất tốt: 5 điểm; Tốt: 4 điểm; Khá: 3 điểm; Trung bình: 2 điểm; Yếu: 1 điểm

Điểm trung bình được tính theo công thức: $\bar{X} = \frac{1}{N} \sum_{i=1}^5 x_i n_i$

Trong đó: x_i là điểm được cho ứng với từng nội dung, $x_i \in \{1, 2, 3, 4, 5\}$

n_i là số người cho điểm x_i nội dung tương ứng.

N là tổng số người cho điểm từng nội dung.

Điểm trung bình được đánh giá theo 5 mức quy ước như sau: $1.0 \leq \bar{X} < 1.5$: Yếu; $1.5 \leq \bar{X} < 2.5$: TB; $2.5 \leq \bar{X} < 3.5$: Khá; $3.5 \leq \bar{X} < 4.5$: Tốt; $4.5 \leq \bar{X} \leq 5.0$: Rất tốt.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng quản lý mục tiêu GDBĐG

Quản lý mục tiêu GDBĐG cho HS là quản lý kết quả mà chủ thể mong muốn trong quá trình tổ chức thực hiện các hoạt động GDBĐG.

Kết quả khảo sát ở Bảng 1 cho thấy, mức độ hợp lý, đúng đắn của các mục tiêu GDBĐG cho HS được đa số cán bộ quản lý, giáo viên đồng tình và ủng hộ, ĐTB các

mục tiêu đạt được từ mức độ Tốt trở lên. Trong đó, mục tiêu *Xóa bỏ định kiến giới* được cán bộ, giáo viên đánh giá cao nhất ($\text{ĐTB} = 4,55$). Tuy nhiên, so với yêu cầu thực tế của xu hướng hiện nay, thì mục tiêu GDBĐG cho HS đạt được vẫn còn quá thấp. Nhiều hoạt động GDBĐG chưa được các trường quan tâm, các hoạt động diễn ra theo tính thời vụ, đối phó. Từ đó, đòi hỏi nhà quản lý cần quan tâm đổi mới, thống nhất giữa mục tiêu với nội dung GDBĐG, nâng cao hiệu quả GDBĐG cho HS.

Bảng 1. *Mục tiêu giáo dục bình đẳng giới cho học sinh*

TT	Nội dung	ĐTB	ĐLC
1	Hình thành ở HS những hiểu biết đúng đắn về vai trò, quyền và nghĩa vụ bình đẳng của nữ giới/trẻ em gái và nam giới/ trẻ em trai, trẻ em/ người đồng tính.	4.44	0.865
2	Hình thành ở HS niềm tin vào giá trị của bản thân.	4.48	0.785
3	Thúc đẩy nhu cầu tham gia tích cực vào học tập và các hoạt động trong trường học và cộng đồng.	4.42	0.806
4	Xóa bỏ định kiến về giới.	4.55	0.817
5	Thể hiện hành động tạo lập và thúc đẩy BĐG tại trường học, gia đình và cộng đồng.	4.45	0.775

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$); ĐLC: Độ lệch chuẩn

3.2. Thực trạng quản lý nội dung GDBĐG

Để thực hiện mục tiêu GDBĐG cho HS, đồng thời để nâng cao chất lượng của hoạt động giáo dục, việc đổi mới nội dung GDBĐG bám sát chiến lược và đường lối chính sách của Đảng [1], các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp về lĩnh vực GDBĐG cho HS, cập nhật thông tin về sự thay đổi mang tính toàn cầu... thì việc coi trọng, xây dựng và quản lý nội dung GDBĐG là nhiệm vụ quan trọng của các nhà trường THPT hiện nay.

Bảng 2. *Các nội dung GDBĐG cho học sinh*

TT	Nội dung	ĐTB	ĐLC
1	Sự khác biệt của giới và giới tính	3.91	0.958
2	Bình đẳng giới, công bằng giới, đa dạng giới	4.21	0.683
3	Phòng ngừa bạo lực học đường trên cơ sở giới	4.32	0.719
4	Sự cần thiết của tạo lập bình đẳng giới vì sự phát triển của xã hội	4.33	0.739
5	Sự cần thiết của tạo lập bình đẳng giới trong nhà trường	4.32	0.773
6	Phòng tránh ĐKG, bạo lực giới	4.30	0.786
7	Giáo dục kỹ năng tạo lập bình đẳng giới trong các mối quan hệ giữa HS-HS, HS- GV/NV	4.32	0.745

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$); ĐLC: Độ lệch chuẩn

Tổ chức đánh giá chương trình cũ, chọn lọc kế thừa những nội dung còn phù hợp; bổ sung kiến thức và kỹ năng cần thiết. Trong những năm qua, nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng chương trình lồng ghép, tích hợp nội dung GDBĐG vào các môn học trong nhà trường như Sinh học, Giáo dục công dân, Văn học, Địa lý và một số môn học khác một cách phù hợp, hiệu quả. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, các môn học chưa

xác định rõ kiến thức cần lồng ghép, tích hợp; lồng ghép và tích hợp vào nội dung nào, bài nào. Những nội dung nào cần lồng ghép, tích hợp vào các môn học trong chương trình chính khóa vẫn chưa xác định được cụ thể, rõ ràng.

Kết quả khảo sát ở Bảng 2 cho thấy, hầu hết các nội dung GDBĐG đều được đa số cán bộ, giáo viên khẳng định đó là những nội dung quan trọng cần phải GD cho HS THPT. Có những nội dung được đánh giá rất cao, bình quân ý kiến đánh giá *quan trọng* và *rất quan trọng* chiếm tỉ lệ 86,1% (ĐTB đạt từ 3.91 đến 4.33) xem Bảng 2. Thực tế đây là các vấn đề rất đáng quan tâm đối với HS THPT hiện nay.

Tuy nhiên, có 24,8% cán bộ, giáo viên cho rằng nội dung “sự khác biệt của giới và giới tính” là *ít quan trọng*, *không quan trọng* và *hoàn toàn không quan trọng* (ĐTB = 3.91); và đối với nội dung “sự cần thiết của tạo lập BĐG trong nhà trường” có đến 12,7%. Điều đó cho thấy một số cán bộ, giáo viên nhìn chung chưa đánh giá đúng mức tầm quan trọng của nội dung này.

Giáo dục kỹ năng tạo lập BĐG trong các mối quan hệ giữa HS- HS, HS- GV/NV là một trong những nội dung khá mới và được quan tâm chú trọng, đặc biệt trong điều kiện hiện nay. Tuy vậy, kết quả khảo sát lại cho thấy vẫn có 12,1% cán bộ, giáo viên đánh giá là *ít quan trọng*, *không quan trọng* và *hoàn toàn không quan trọng*. Vì thế, phải tăng cường tuyên truyền về vai trò, ý nghĩa của GD kỹ năng tạo lập BĐG trong các mối quan hệ giữa HS – HS, HS – GV/NV ở nhà trường.

Nhìn chung, nội dung chương trình GDBĐG cho HS đã phần nào đáp ứng được cơ bản mục tiêu GDBĐG cho HS của các nhà trường. Tuy nhiên, thực tế những nội dung GDBĐG chưa được các nhà trường triển khai bài bản, thường xuyên, chậm đổi mới, chương trình còn lạc hậu, mang nặng tính hàn lâm, chưa chú ý kỹ năng, chưa cập nhật kiến thức mới.

Kết quả khảo sát cho ta thấy: hơn một nửa số lượng cán bộ, giáo viên đánh giá nội dung GDBĐG cho HS hiện nay là *ít phù hợp* và *không phù hợp*. Điều này chứng tỏ công tác quản lý nói chung và việc xây dựng nội dung giáo dục nói riêng chưa thực sự đem lại hiệu quả cao. Một số giáo viên trao đổi, nội dung giáo dục BĐG cho HS trong những năm học qua còn mơ hồ, chung chung, thiếu tính khoa học... Như vậy, việc điều chỉnh, bổ sung nội dung GDBĐG cho HS để phù hợp với mục tiêu giáo dục cần được nhà trường quan tâm.

3.3. Thực trạng quản lý phương pháp GDBĐG

Phương pháp giáo dục cần được đổi mới theo hướng gắn lý luận với thực tiễn, tăng cường tính tích cực chủ động của người học.

Từ kết quả khảo sát ở Bảng 3 cho thấy, hầu hết các phương pháp tích cực đã được nhà trường áp dụng và đánh giá ở mức độ khá trở lên. Tuy nhiên, mức độ sử dụng các phương pháp nhìn chung còn rất thấp (ĐTB chỉ đạt từ 2.87 đến 3.27). Như vậy, việc quản lý thực hiện các phương pháp GDBĐG cho HS của nhà trường vẫn chưa được thực hiện tốt. Đa số cán bộ, giáo viên đánh giá không cao về mức độ phù hợp của các

phương pháp GDBĐG cho HS mà các nhà trường đang sử dụng hiện nay (chỉ có 57,9% đồng tình về sự *phù hợp* và *rất phù hợp*).

Tóm lại, vấn đề cần thiết là phải quan tâm xây dựng các biện pháp quản lý nâng cao hiệu quả sử dụng các phương pháp GDBĐG trong nhà trường để từ đó nâng cao chất lượng hoạt động GDBĐG cho HS.

Bảng 3. Các phương pháp GDBĐG cho học sinh

TT	Nội dung	ĐTB	ĐLC
1	Cung cấp tài liệu về giáo dục bình đẳng giới (tạp chí, tờ rơi...)	3.01	1.007
2	Trao đổi, thảo luận thông qua các buổi ngoại khóa và giờ học chính khóa các môn học	3.27	0.851
3	Tổ chức hội thi tìm hiểu về chủ đề bình đẳng giới	3.03	0.911
4	Tổ chức trò chơi, đóng vai, diễn kịch mang nội dung giáo dục bình đẳng giới	3.07	0.923
5	Tư vấn thông qua hoạt động của Đoàn trường (trực tiếp, hòm thư...)	3.17	1.009
6	Tư vấn thông qua hoạt động của các dự án, chương trình giáo dục bình đẳng giới	2.87	0.942

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$); ĐLC: Độ lệch chuẩn

3.4. Thực trạng quản lý các hình thức GDBĐG

Hình thức giáo dục đa dạng, phong phú sẽ thu hút được sự tham gia tích cực của HS, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động GDBĐG cho các em.

Bảng 4. Các hình thức GDBĐG cho học sinh

TT	Nội dung	ĐTB	ĐLC
1	Giáo dục thông qua việc tích hợp lồng ghép vào các môn học	3.44	0.800
2	Thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp	3.48	0.802
3	Thông qua những buổi sinh hoạt lớp, chi đoàn, đoàn trường	3.51	0.898
4	Thông qua hoạt động của Ban GDBĐG trong nhà trường	3.28	0.894
5	Thông qua các hoạt động xã hội	3.15	0.881
6	Thông qua hành vi, thái độ cư xử của GV thể hiện BĐG	3.62	0.881

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$); ĐLC: Độ lệch chuẩn

Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết các hình thức GDBĐG mà chúng tôi đưa ra để khảo sát đều được các nhà trường áp dụng để GDBĐG cho HS. Trong những năm qua, các nhà trường đã tổ chức các hoạt động GDBĐG cho học sinh thông qua việc tổ chức ngoại khóa các bộ môn để lồng ghép GDBĐG bằng các hình thức như: sân khấu hóa, các hội thi tiểu phẩm, kịch, tham quan, dã ngoại, thuyết trình, vẽ tranh, rung chuông vàng, đồ vui để học, cho HS xem các tư liệu, tranh ảnh, phim...; Lồng ghép thông qua các buổi sinh hoạt tập thể lớp, các buổi sinh hoạt do Đoàn trường tổ chức, qua các buổi chào cờ đầu tuần, các buổi sinh hoạt thường xuyên theo chủ đề hàng tháng, các sinh

hoạt chủ điểm của Đoàn, các buổi tham quan, tìm hiểu thực tế,... để tuyên truyền, GDBĐG cho HS; Thông qua Ban GDBĐG trong nhà trường để tổ chức các hoạt động GDBĐG cho HS, có thể thực hiện bằng các hình thức như: tổ chức hoạt động nhóm để tìm hiểu, thảo luận, chia sẻ thông tin về BĐG. Với hình thức này, ở các nhóm, các em dễ dàng đưa ra ý kiến của mình, hạn chế tâm lý e ngại khi trao đổi về những vấn đề “khó nói”. Từ đó, GV nắm bắt được thông tin để chia sẻ, hỗ trợ cho các em những ý kiến phù hợp; lồng ghép vào các chương trình hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp trong nhà trường với nhiều hình thức phong phú khác nhau như trò chơi, kịch/ tiểu phẩm, các hội diễn, cuộc thi, sáng tác, điều tra tình hình tại cộng đồng... Tuy nhiên mức độ áp dụng của các hình thức còn nhiều hạn chế, chỉ có hình thức: *Thông qua hành vi, thái độ cư xử của GV thể hiện BĐG và thông qua những buổi sinh hoạt lớp, chi đoàn, đoàn trường* đã áp dụng khá thường xuyên và luôn luôn. Bên cạnh đó có nhiều ý kiến cho rằng: *Thông qua các hoạt động xã hội; thông qua hoạt động của Ban GDBĐG trong nhà trường; Thông qua những buổi sinh hoạt lớp, chi đoàn, đoàn trường và thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp* chưa được thực hiện thường xuyên. Điều này cũng dễ hiểu, vì vấn đề GDBĐG cho HS còn khá mới mẻ đối với các nhà trường. Tuy nhiên, nhà trường cần phải xem xét, xây dựng các biện pháp thiết thực để GDBĐG cho HS thông qua các hình thức đang còn thiếu quan tâm.

Về mức độ phù hợp của các hình thức GDBĐG cho HS, đa số cán bộ, giáo viên được khảo sát cho rằng hầu hết các hình thức GDBĐG ở các nhà trường THPT hiện nay chưa phù hợp: *không phù hợp* (14,9%) và *ít phù hợp* (40,5%); có những hình thức giáo dục *ít khi* áp dụng và *không bao giờ* áp dụng. Do đó các nhà quản lý cần hết sức lưu ý để đưa ra những hình thức giáo dục phù hợp với sở thích của các em để có kết quả giáo dục cao hơn.

3.5. Thực trạng quản lý phối hợp các lực lượng tham gia GDBĐG

Trong công tác quản lý hoạt động GDBĐG, việc xây dựng mối quan hệ phối hợp với các lực lượng trong và ngoài nhà trường có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả GDBĐG cho HS. Sự phối hợp giữa các lực lượng có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong hoạt động GDBĐG, nếu phối hợp tốt sẽ tạo nên sự đồng bộ, phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng trong quá trình GD. Vì vậy, trong chỉ đạo, điều hành cần đặc biệt quan tâm đến sự tham gia phối hợp của các lực lượng trong hoạt động GDBĐG cho HS.

Bảng 5. Sự phối hợp các lực lượng tham gia giáo dục bình đẳng giới

TT	Nội dung	ĐTB	ĐLC
1	Giữa các lực lượng trong nhà trường	3.69	0.836
2	Giữa nhà trường và xã hội	3.26	0.748
3	Giữa nhà trường và gia đình	3.34	0.921
4	Giữa nhà trường, gia đình, xã hội và bản thân HS	3.49	0.867

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$); ĐLC: Độ lệch chuẩn

Qua Bảng 5 chúng ta có thể rút ra nhận xét: chỉ có sự phối hợp giữa các lực lượng trong nhà trường là khá tốt: có 47,7% đánh giá *khá thường xuyên* và 10,1% đánh giá *luôn luôn* (ĐTB = 3.69). Sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình diễn ra chưa thường xuyên

(chỉ có 24,8% đánh giá *khá thường xuyên* và *luôn luôn*) và có đến 43,3% đánh giá *ít khi*, giữa nhà trường và xã hội cũng cho kết quả tương tự. Còn thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa nhà trường, gia đình, xã hội và chính bản thân HS trong quá trình giáo dục (có 31,5% đánh giá *thỉnh thoảng* và 52,6% cho rằng *ít khi*).

Sự phối hợp giữa nhà trường với Ban đại diện CMHS cũng như gia đình HS chỉ mới dừng lại ở các hình thức tổ chức các cuộc họp, hội nghị thường kỳ, sơ kết, tổng kết... mà mục đích phối hợp GDBĐG cho HS thì rất mờ nhạt. Chưa tổ chức được các buổi hội thảo giữa các lực lượng GD để bàn bạc tìm biện pháp phối hợp tốt nhất để quản lý, giáo dục ĐG cho HS.

3.6. Thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ GDBĐG

Quản lý các điều kiện hỗ trợ có ý nghĩa rất quan trọng đến hiệu quả GDBĐG cho HS, đặc biệt là cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính. Trong giai đoạn hiện nay, các trường đang phấn đấu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia nên đều tăng cường trang thiết bị đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu của chương trình học, đặc biệt là đáp ứng tiêu chuẩn về CSVC. Tuy nhiên, hầu hết các trường đều gặp khó khăn về mặt kinh phí nên việc đầu tư CSVC, thiết bị phục vụ cho hoạt động GDBĐG còn hạn chế. Một số trường thiếu sân chơi, bãi tập, đặc biệt là nhà đa chức năng chưa có hoặc không đạt chuẩn.

Ngoài ra, trao đổi thêm với một số CBQL về nguồn quỹ dành cho hoạt động GDBĐG chủ yếu là từ nguồn quỹ ít ỏi của ngân sách và một phần từ CMHS nên cũng chưa được ổn định và thực chất cũng chưa được nhiều. Nguyên nhân là do kinh phí dành cho hoạt động nói chung của trường rất ít, một phần do nhận thức của CBQL là ngại tốn kém, ngại tổ chức và sợ ảnh hưởng đến các môn văn hóa.

3.7. Đánh giá chung về thực trạng

3.7.1. Ưu điểm

Hầu hết CB, GV đều nhận thức được vai trò, tính cấp thiết của hoạt động GDBĐG trong nhà trường. Các nội dung GDBĐG cơ bản đã được triển khai thực hiện, giúp HS có những chuyển biến khá tích cực ở góc độ nhận thức và thái độ về ĐG.

Quá trình thông tin, truyền thông, GDBĐG cho HS THPT ở huyện Phong Điền bước đầu đã được quan tâm. Một số hình thức và phương pháp GDBĐG được áp dụng khá phù hợp, nhìn chung đã có những cố gắng nhất định, tạo điều kiện thuận lợi để HS tiếp cận, yêu thích, hứng thú trong quá trình tiếp thu các nội dung liên quan đến GDBĐG.

Sự tham gia, phối hợp của các lực lượng giáo dục trong nhà trường khá thường xuyên, khá tích cực; bên cạnh đó, các lực lượng ngoài nhà trường mặc dù thiếu thường xuyên và chưa có sự phối hợp bền chặt nhưng bước đầu đã ít nhiều có sự tham gia trong hoạt động GDBĐG cho HS.

Các điều kiện hỗ trợ cho hoạt động GDBĐG tuy chưa được đầu tư lớn nhưng bước đầu đã có sự quan tâm.

3.7.2. Hạn chế

Một bộ phận một số CBQL, GV và NV ở các nhà trường nhận thức chưa đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng và sự cần thiết của hoạt động GDBĐG trong nhà trường;

Nội dung giáo dục chưa phong phú, chương trình giáo dục chưa có nhiều sáng tạo, chưa đi sâu vào những vấn đề bức xúc của xã hội về vấn đề bất BÐG, nên chưa lôi cuốn sự tham gia tích cực của đa số HS. Hình thức tổ chức hoạt động GDBÐG còn mang tính thời vụ, thiếu cả bề nổi lẫn chiều sâu, chưa tạo được nhận thức sâu sắc, niềm tin mạnh mẽ để hình thành và phát triển những thái độ, hành vi BÐG đúng đắn.

Chưa xây dựng được cơ chế phối hợp đồng bộ giữa các bộ phận trong nhà trường để thống nhất nội dung, ý chí, hoạt động GDBÐG cho HS; chưa quan tâm phát huy vai trò, ý thức trách nhiệm của đội ngũ GV bộ môn trong việc nghiên cứu, tích hợp, lồng ghép nội dung GDBÐG vào bài học, cũng như qua thái độ, hành vi, phương pháp của GV khi tổ chức dạy – học trên lớp.

Sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường chưa chặt chẽ, chưa thường xuyên, đặc biệt là sự phối hợp của các lực lượng trong và ngoài nhà trường. Vai trò của gia đình, xã hội trong GDBÐG cho HS còn mờ nhạt, sự tham gia của chính bản thân HS trong GDBÐG còn hạn chế.

Các nguồn lực hỗ trợ cho hoạt động GDBÐG ở các trường nhìn chung chưa được quan tâm và đầu tư đúng mức. Cơ sở vật chất phục vụ GDBÐG còn thiếu; cơ chế; chưa có nguồn kinh phí thường xuyên phù hợp để thực hiện nhiệm vụ GDBÐG cho HS.

Năng lực quản lý hoạt động GDBÐG của CBQL chưa đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ đặt ra. Từ quản lý mục tiêu, nội dung đến phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động còn nhiều thiếu sót, chưa rõ ràng, cụ thể, đôi lúc theo kiểu đối phó kiểm tra. Chưa có nhiều biện pháp tích cực để nâng cao nhận thức cho CBGV và HS về tầm quan trọng của hoạt động GDBÐG trong thời đại ngày nay.

4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Tổng hợp kết quả khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý hoạt động GDBÐG cho HS ở các trường THPT huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, chúng tôi nhận thấy hoạt động GDBÐG đã có nhiều cố gắng trên tất cả các nội dung, bước đầu đạt được một số kết quả khá quan trọng. Tuy nhiên hoạt động GDBÐG cho HS ở các trường chưa thực sự đạt hiệu quả và còn nhiều hạn chế cần phải được khắc phục trong thời gian tới.

Trên cơ sở kết quả khảo sát, đánh giá thực trạng như trên, chúng tôi đề xuất các biện pháp quản lý nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động GDBÐG cho HS ở các trường THPT trên địa bàn huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

- (1) Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động để nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động GDBÐG trong CBGV, NV, HS và phụ huynh.
- (2) Thực hiện tốt các chức năng quản lý hoạt động GDBÐG trong nhà trường.
- (3) Tăng cường phối hợp các lực lượng trong công tác GDBÐG.
- (4) Đổi mới nội dung và hình thức GDBÐG theo hướng đa dạng hóa.
- (5) Tạo môi trường và các điều kiện hỗ trợ thuận lợi cho công tác GDBÐG.

Các biện pháp này có mối quan hệ biện chứng, có sự tác động qua lại lẫn nhau, bổ sung cho nhau. Vì vậy, trong quá trình quản lý hoạt động GDBĐG cho HS, chúng phải được phối hợp thực hiện một cách đồng bộ, thường xuyên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2006). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Chính phủ (2009). *Nghị định số 48//2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 quy định các biện pháp đảm bảo BĐG*, (Điều 5, Khoản 2). Hà Nội.
- [3] Phạm Văn Quyết (1999), Sự khác biệt giới trong giáo dục ở một vùng công giáo, *Tạp chí khoa học về Phụ nữ*, (4).

Title: THE MANAGEMENT ACTIVITIES OF EDUCATION ON GENDER EQUALITY FOR STUDENTS OF HIGH SCHOOLS OF PHONG DIEN DISTRICT, THUA THIEN HUE PROVINCE

Abstract: It is imperative to study the actual current state of the management activities of education on gender equality for students of high schools of Phong Dien District, Thua Thien Hue Province and to enhance the quality of these activities based on the actual state investigated. The management activities of education on gender equality for students of high schools of Phong Dien District, Thua Thien Hue Province have obtained some discernible primary outcomes. However, there are some limitations of perception, management tasks, staff training and professional development, facilities of education on gender equality. Some appropriate solutions to enhance the quality of management activities of education on gender equality for students were proposed.

Keywords: Management; gender equality; education on gender equality, general education.